

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ OTB VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ OTB VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OTB VIETNAM TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108104621

3. Ngày thành lập: 21/12/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26 Gia Ngư, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963682168 - 0987873388

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý Internet (trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
3.	Cổng thông tin	6312
4.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
5.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế	6920
6.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
7.	Bán buôn gạo	4631
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm); Marketing online, SEO website, quản trị website	8299
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
10.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
11.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
13.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
14.	Bốc xếp hàng hóa	5224

15.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014)	6820
16.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
17.	Đại lý du lịch	7911
18.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
19.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
20.	Bán buôn thực phẩm	4632
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
23.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
24.	Lập trình máy vi tính	6201
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: • Khảo sát địa hình (Điểm a, Khoản 1, Điều 46 Nghị định 59/2015/NĐ – CP ngày 18 tháng 06 năm 2015) • Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình (Điểm b, Khoản 1, Điều 46 Nghị định 59/2015/NĐ - CP ngày 18 tháng 06 năm 2015); • Lập dự án đầu tư xây dựng (Khoản 26, Điều 3, Luật Xây dựng 2014) • Thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế nội ngoại thất công trình (Điều 150 – Luật xây dựng 2014)	7110
26.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530

29.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
30.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
31.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
34.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
35.	Xây dựng nhà các loại	4100
36.	Xây dựng công trình công ích	4220
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321(Chính)
38.	Phá dỡ	4311
39.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
40.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
41.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4511
42.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đầu giá)	4512
43.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
45.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
46.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
47.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
48.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
50.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4513
51.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
52.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4541
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
54.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Công trình dân dụng - Công trình công nghiệp - Công trình giao thông - Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn - Công trình hạ tầng kỹ thuật - Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy.	4290

56.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
57.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
60.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
61.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
63.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa. Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác. Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm; màu vẽ, màu xăm vẽ nghệ thuật cơ thể, hóa trang;	4772
64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Dịch vụ đại lý vận tải đường sắt;	5229
66.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website	7410
67.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
68.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
69.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
70.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
71.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
72.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà,	4390
73.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
74.	Quảng cáo	7310
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710

76.	Dịch vụ đóng gói (trừ thuốc bảo vệ thực vật)	8292
77.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
78.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
79.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
80.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm); Buôn bán trang thiết bị giáo dục; Bán buôn các mặt hàng bảo hộ lao động: bút tắt gang tay, dây an toàn, nút chống ồn, khẩu trang, mắt kính, nón mũ bảo hộ. Bán buôn vải sợi, phụ liệu ngành may, giày dép quần áo may sẵn.	4669
81.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
82.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
83.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
84.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
85.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ (trừ hoạt động đấu giá)	7490
86.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
87.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
88.	Bán buôn đồ uống	4633
89.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
90.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
91.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
92.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690

93.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
94.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
95.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
96.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
97.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
98.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
99.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
100.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bãi cát)	4663
101.	Xuất bản phần mềm	5820
102.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet; - Hoạt động viễn thông vệ tinh; - Hoạt động xuất bản phần mềm trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, internet; Hoạt động viễn thông khác	6190
103.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa	7912

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TẠ QUANG CHIẾN	30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	18,000	001085003654	
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	18,000		
2	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	Số 49 tổ 54B, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	15,000	011198962	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	15,000		
3	ĐẶNG KHẮC TIỀN	Thôn An Thọ, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	510.000	5.100.000.000	17,000	040093000029	
			Tổng số	510.000	5.100.000.000	17,000		
4	NGUYỄN ĐỨC ĐẠI	Thôn Gia hoà 1, Xã An Vinh, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	10,000	034084002207	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	10,000		
5	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Số 4 đường Hùng Vương 2, phố Lê Lợi, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	15,000	164146917	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	15,000		
6	TRẦN ĐÌNH LONG	Tổ 56B, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	10,000	034080000001	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	10,000		
7	ĐẶNG KHẮC QUANG	Thôn An Thọ, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	15,000	040069000152	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC ĐẠI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/02/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034084002207

Ngày cấp: 22/05/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Gia hoà 1, Xã An Vinh, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Gia hoà 1, Xã An Vinh, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội